

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 828 /KH-UBND

Nghệ An, ngày 07 tháng 9 năm 2026

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển nguồn nhân lực tỉnh Nghệ An giai đoạn 2026 - 2030 và định hướng đến năm 2045

Thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 29/6/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển nguồn nhân lực tỉnh Nghệ An giai đoạn 2026 - 2030 và định hướng đến năm 2045 (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 10-NQ/TU) và Đề án số 15-ĐA/TU ngày 29/6/2026 của Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết phát triển nguồn nhân lực tỉnh Nghệ An giai đoạn 2026 - 2030 và định hướng đến năm 2045 (sau đây gọi tắt là Đề án số 15-ĐA/TU), Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TU, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Cụ thể hóa đầy đủ, toàn diện các quan điểm, mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã được xác định tại Nghị quyết số 10-NQ/TU và Đề án số 15-ĐA/TU; bảo đảm việc tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết được tiến hành thống nhất, đồng bộ và hiệu quả trong hệ thống chính quyền từ cấp tỉnh đến cơ sở.

b) Xác định rõ các nhiệm vụ trọng tâm, khâu đột phá và xây dựng lộ trình thực hiện cụ thể theo từng giai đoạn; đồng thời phân công trách nhiệm rõ ràng cho từng sở, ban, ngành, địa phương cùng các cơ quan, đơn vị liên quan làm căn cứ tổ chức thực hiện và kiểm tra, giám sát.

c) Làm cơ sở để các sở, ngành, địa phương và các cơ quan, đơn vị chủ động xây dựng kế hoạch triển khai chi tiết; lồng ghép các nội dung vào chương trình công tác, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm; tổ chức theo dõi, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện theo đúng quy định.

2. Yêu cầu

a) Việc xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch phải bảo đảm bám sát các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Nghị quyết số 10-NQ/TU, Đề án số 15-ĐA/TU và các quy định của pháp luật có liên quan; bảo đảm tính phù hợp với tình hình thực tiễn và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

b) Các nhiệm vụ, giải pháp đề ra phải được cụ thể hóa, xác định rõ nội dung công việc, sản phẩm đầu ra, tiến độ thực hiện, cơ quan chủ trì, đơn vị phối hợp và trách nhiệm của người đứng đầu; bảo đảm tính khả thi, đồng bộ và hiệu quả cao khi tổ chức thực hiện.

c) Bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ, thường xuyên giữa các sở, ban, ngành, địa phương và các tổ chức, doanh nghiệp trong quá trình triển khai; tăng cường công tác theo dõi, kiểm tra, giám sát, kịp thời đôn đốc, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, bảo đảm các nhiệm vụ được thực hiện đúng lộ trình và đạt mục tiêu đặt ra.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển nguồn nhân lực tỉnh Nghệ An toàn diện cả về trí lực, thể lực, tâm lực và văn hóa, có chất lượng, cơ cấu hợp lý, có năng lực tự học, chủ động, sáng tạo và năng lực thích ứng cao; chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, công nghệ chiến lược, công nghiệp nền tảng, công nghiệp - nông nghiệp công nghệ cao, logistics, thương mại, du lịch, y tế, phát triển đô thị, quản trị công; nâng cao trình độ năng lực cạnh tranh của nguồn nhân lực tương đương các quốc gia hàng đầu khu vực như Hàn Quốc, Nhật Bản, Singapore, đồng thời từng bước tiếp cận trình độ các nước phát triển trên thế giới; nâng cao chất lượng và năng suất lao động, tạo đột phá đưa Nghệ An trở thành tỉnh khá của cả nước, cực tăng trưởng tâm quốc gia.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

a) Đối với nguồn nhân lực khu vực công

- 100% cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, cán bộ công chức cấp tỉnh được bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng quản trị hiện đại, năng lực chuyển đổi số hàng năm.

- Hằng năm, cử 50 - 60 cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo ngắn hạn ở nước ngoài và tăng theo nhu cầu, điều kiện thực tế của tỉnh mỗi năm.

- 100% cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước, các kỹ năng bổ trợ và chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu vận hành chính quyền địa phương 02 cấp.

- Nguồn nhân lực nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo đạt 12 người trên một vạn dân.

- Đảm bảo đủ số lượng giáo viên ở các cấp học, có cơ cấu hợp lý; 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo, trong đó 90% giáo viên mầm non, 20% giáo viên tiểu học và 40% giáo viên trung học đạt trên chuẩn; 40% giáo viên ngoại ngữ, tin học đạt chứng chỉ quốc tế theo yêu cầu của cấp học và một số cơ sở giáo dục đảm bảo đưa ngôn ngữ tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học.

- Có 01 - 02 trường đại học đạt chuẩn chất lượng ASEAN về chất lượng đào tạo; tối thiểu 30% giảng viên các cơ sở giáo dục đại học đạt trình độ tiến sĩ; tỷ lệ nhà giáo có trình độ thạc sĩ trở lên đạt trên 50%; thu hút ít nhất 100 giảng viên, chuyên gia giỏi từ nước ngoài; phấn đấu đạt 260 sinh viên và 23 học viên sau đại học trên một vạn dân; tỉ lệ học đại học trên số người trong độ tuổi 18 - 22 đạt 33%.

- Lĩnh vực y tế phần đầu đạt 17 bác sĩ/10.000 dân; 04 dược sĩ đại học/10.000 dân; 25 điều dưỡng/10.000 dân, trung bình mỗi trạm y tế cấp xã có từ 4 - 5 bác sĩ làm việc.

b) Đối với nguồn nhân lực ngoài khu vực công

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 77%, trong đó có văn bằng, chứng chỉ đạt 37,8% vào cuối năm 2030 (riêng vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đạt 70%, trong đó có văn bằng, chứng chỉ đạt 31,5%). Bình quân mỗi năm tuyển sinh đạt từ 35.000 đến 38.000 lượt người.

- Đào tạo kỹ năng nghề dự kiến khoảng 329.700 lượt người, gồm các cấp trình độ: cao đẳng 31.950 người (tăng 21,48% so với giai đoạn 2021 - 2025); trung cấp 57.750 người (tăng 19,07%); sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng 240.000 người (giảm 5,73%). Trong đó: đào tạo tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh là 298.830 lượt người, gồm các cấp trình độ: Cao đẳng 28.700 người; trung cấp 53.130 người; sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng 217.000 người.

- Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp bình quân chung đạt 83,3%; trong đó: trình độ đại học không thấp hơn 70%; trình độ cao đẳng nghề 98,4%; trung cấp đạt 97,5%; sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng đạt 78,2%.

- Phần đầu có 01 - 02 trường đào tạo nghề chất lượng cao đạt chuẩn tương đương với chuẩn của các nước ASEAN-4.

- Có 70% số người dân trong độ tuổi lao động biết và có kỹ năng sử dụng các loại hình dịch vụ công trực tuyến và các dịch vụ số thiết yếu.

3. Định hướng đến năm 2045

Xác định xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao của tỉnh trở thành lợi thế cạnh tranh cốt lõi, giúp kinh tế địa phương tham gia sâu vào chuỗi giá trị quốc gia, khu vực và quốc tế, đáp ứng yêu cầu của tỉnh mục tiêu hướng tới phát triển hiện đại, xanh, bền vững; có đội ngũ chuyên gia, nhân lực khoa học - công nghệ, nhân lực quản trị trong tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội, đẩy mạnh đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp chính quyền trong việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện

Các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức quán triệt, tuyên truyền sâu rộng nội dung Nghị quyết số 10-NQ/TU, Đề án số 15-ĐA/TU và các chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển nguồn nhân lực cho cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân để tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động của mỗi cán bộ, đảng viên và Nhân dân; phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và Nhân dân về phát triển nguồn nhân lực.

Các cơ quan, đơn vị, địa phương cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển nguồn nhân lực tại Nghị quyết số 10-NQ/TU gắn với chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đơn vị, các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển nguồn nhân lực và các chương trình, đề án có liên quan.

Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức xã hội đối với nhiệm vụ phát triển nguồn nhân lực, xây dựng xã hội học tập, thúc đẩy đổi mới sáng tạo.

2. Xây dựng dự báo cơ sở dữ liệu nguồn nhân lực, đào tạo nguồn nhân lực gắn với yêu cầu phát triển của tỉnh

Xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu nguồn nhân lực tỉnh dùng chung; ban hành bộ chỉ tiêu, quy chế cập nhật, chia sẻ và khai thác dữ liệu. Hằng năm xây dựng báo cáo dự báo cung - cầu và thông tin thiếu hụt nhân lực theo ngành nghề, trình độ, địa bàn, khu kinh tế, khu công nghiệp và dự án trọng điểm, làm căn cứ tuyển sinh, đặt hàng đào tạo, thu hút nhân lực và phân bổ nguồn lực.

Các Sở, ban ngành, phường xã căn cứ vào chức năng nhiệm vụ và chiến lược phát triển của tỉnh và cả nước, đề xuất đặt hàng để đào tạo đội ngũ cán bộ đáp ứng các yêu cầu công việc thực tiễn. Phối hợp các cơ sở giáo dục đại học trên địa bàn tỉnh đặt hàng đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu của cơ quan, đơn vị, địa phương. Các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh phối hợp đặt hàng các cơ sở giáo dục đại học để đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp. Các trường Đại học, Cao đẳng liên kết với các trường đại học, viện nghiên cứu uy tín trong và ngoài nước để gửi giảng viên đi đào tạo. Xây dựng và triển khai các chương trình hợp tác giữa các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp trong và ngoài nước để đào tạo giảng viên nguồn.

Tập trung đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho các ngành, lĩnh vực ưu tiên như y tế, tài chính, công nghệ thông tin, chuyên đổi số, công nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp công nghệ cao, logistics, du lịch và dịch vụ chất lượng cao.

3. Phát triển hệ thống giáo dục, đào tạo, giáo dục nghề nghiệp, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Rà soát, sắp xếp, tinh gọn hệ thống giáo dục, đào tạo, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học, giáo dục thường xuyên và y tế theo hướng đồng bộ, liên thông, hiệu quả gắn với định hướng phát triển công nghiệp và dịch vụ của tỉnh. Hiện đại hóa, nâng tầm giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp, định hướng tập trung đầu tư xây dựng các trường Đại học, Cao đẳng nghề trọng điểm của tỉnh đạt chuẩn khu vực, quốc tế. Chuẩn hóa đội ngũ giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục; nâng tỷ lệ giáo viên, giảng viên đạt chuẩn, trên chuẩn, giảng viên có trình độ tiến sĩ; thu hút giảng viên, chuyên gia giỏi trong và ngoài nước tham gia đào tạo, nghiên cứu, chuyển giao công nghệ.

Thúc đẩy mô hình đào tạo kép "Nhà trường - Doanh nghiệp"; nhân rộng thí điểm đào tạo tích hợp văn hóa trong chương trình trung cấp nhằm đẩy mạnh phân luồng học sinh THCS. Chuyển từ đào tạo theo khả năng của cơ sở đào tạo

sang đào tạo theo nhu cầu xã hội, nhu cầu doanh nghiệp và đặt hàng của Nhà nước gắn với đặc thù phát triển kinh tế và nhu cầu dịch chuyển lao động của từng vùng, địa phương cụ thể. Thực hiện cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ, đấu thầu đào tạo đối với ngành, nghề trọng điểm, ngành thiếu nhân lực, ngành phục vụ vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Tăng cường kết nối đội ngũ trí thức, chuyên gia là người Việt Nam ở nước ngoài tham gia giảng dạy, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và tư vấn phát triển

4. Đổi mới, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực khu vực công

Xây dựng, hoàn thiện danh mục vị trí việc làm, bản mô tả công việc, khung năng lực và hệ thống chỉ số đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ theo từng vị trí việc làm. Đổi mới tuyển dụng, sử dụng, bố trí, bổ nhiệm, đánh giá, đãi ngộ cán bộ, công chức, viên chức theo hướng công khai, minh bạch, cạnh tranh, dựa trên phẩm chất, năng lực, uy tín, sản phẩm và hiệu quả công việc; gắn kết quả đánh giá với đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng, sàng lọc và phát triển đội ngũ.

Đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm, chức danh, tiêu chuẩn chức vụ lãnh đạo, quản lý và yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới. Chú trọng bồi dưỡng kỹ năng quản trị hiện đại, quản trị địa phương, phân tích chính sách, xây dựng và thi hành pháp luật, ngoại ngữ, kỹ năng số, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, kỹ năng hội nhập, truyền thông chính sách, phục vụ người dân và doanh nghiệp, cử đi đào tạo ngắn hạn ở nước ngoài. Xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp đáp ứng yêu cầu mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

Chuẩn hóa công tác nhân sự bằng cách đánh giá cán bộ theo chỉ số, sản phẩm thực tế và sự hài lòng của người dân. Gắn chặt kết quả này với các chế độ đãi ngộ, công tác quy hoạch, điều chuyển và sàng lọc đội ngũ."

Đẩy mạnh hợp tác với các tổ chức quốc tế, các địa phương nước ngoài có quan hệ hợp tác với tỉnh nhằm tranh thủ các chương trình học bổng, đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho cán bộ, công chức, viên chức. cử cán bộ công chức, viên chức các sở, ban ngành, địa phương, các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp đi đào tạo ngắn hạn, học tập nâng cao trình độ.

Xác định nhu cầu nguồn nhân lực cho các bệnh viện, trung tâm y tế, các cơ sở giáo dục đại học về đội ngũ y bác sĩ có tay nghề cao, đội ngũ giảng viên đáp ứng các điều kiện tiêu chuẩn bộ chuẩn quốc gia và quốc tế. Phát triển nhân lực y tế đáp ứng yêu cầu y tế cơ sở, y tế dự phòng, y tế chuyên sâu và chăm sóc sức khỏe nhân dân. Quan tâm phát triển cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số, cán bộ khoa học - công nghệ, cán bộ chuyển đổi số và cán bộ cơ sở.

5. Tập trung xây dựng thị trường lao động hiện đại và linh hoạt, đổi mới công tác hướng nghiệp, phân luồng học sinh để thúc đẩy cơ cấu lao động chuyển dịch một cách hợp lý, bền vững

Khai thác hiệu quả sản giao dịch việc làm và phát triển hệ thống thông tin thị trường lao động từ dữ liệu thực tế; thực hiện điều tra nhu cầu tuyển dụng và yêu cầu kỹ năng của doanh nghiệp, làm cơ sở để công bố danh mục ngành nghề thiếu hụt nhân lực hằng năm nhằm định hướng cho công tác giáo dục nghề nghiệp, phân luồng đào tạo; tăng cường theo dõi sát sao sự dịch chuyển lao động giữa các địa bàn, khu kinh tế và khu công nghiệp nhằm hình thành cơ chế cảnh báo sớm về nguy cơ thiếu hụt nhân lực hoặc mất cân đối cung - cầu ngành nghề, bảo đảm ổn định kinh tế - xã hội.

Đổi mới công tác hướng nghiệp, phân luồng học sinh sau trung học cơ sở, trung học phổ thông; nhân rộng thí điểm đào tạo tích hợp văn hóa trong chương trình trung cấp nhằm đẩy mạnh phân luồng học sinh THCS. Chuyển từ đào tạo theo khả năng của cơ sở đào tạo sang đào tạo theo nhu cầu xã hội, nhu cầu doanh nghiệp và đặt hàng của Nhà nước gắn với đặc thù phát triển kinh tế và nhu cầu dịch chuyển lao động của từng vùng, địa phương cụ thể. Thực hiện cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ, đấu thầu đào tạo đối với ngành, nghề trọng điểm, ngành thiếu nhân lực, ngành phục vụ vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Mở rộng đào tạo lại, đào tạo nâng cao, đào tạo ngắn hạn, đào tạo trực tuyến, đào tạo tại nơi làm việc; hỗ trợ người lao động nông thôn, lao động bị thu hồi đất, lao động chuyển đổi việc làm, người yếu thế, lao động vùng khó khăn tiếp cận kỹ năng nghề, kỹ năng số và việc làm bền vững.

6. Ban hành và thực thi chính sách thu hút nguồn nhân lực

Xây dựng ban hành cơ chế, chính sách thu hút, phát triển nguồn nhân lực ở các ngành, lĩnh vực, phát triển nguồn nhân lực theo nhu cầu xã hội, có trọng tâm, trọng điểm, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao phù hợp với đặc thù của tỉnh. Mở rộng chính sách ưu đãi cho sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, học viên sau đại học, học viên học các ngành, nghề trọng điểm, ngành nghề phục vụ phát triển bền vững và các nhóm yếu thế trên địa bàn tỉnh và cả nước.

Thu hút đội ngũ nghiên cứu viên, nhà khoa học chuyên gia trong nước và nước ngoài tham gia hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và quản lý tại các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp công lập.

Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong thu hút, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; tăng cường kết nối với các tổ chức quốc tế, cơ quan đại diện nước ngoài, các địa phương nước ngoài có quan hệ hợp tác với tỉnh và cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài nhằm thu hút chuyên gia, nhà khoa học, trí thức, doanh nhân tham gia phát triển nguồn nhân lực của tỉnh.

7. Phát triển nguồn nhân lực dựa trên nền tảng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và phong trào xây dựng xã hội học tập

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo trong quản lý giáo dục, đào tạo, đánh giá chất lượng nhân lực, dự báo nhu cầu lao động, kết nối việc làm và quản trị nhân lực. Cải cách căn bản chương trình giáo dục đại

học và nghề nghiệp, chuyển đổi từ đào tạo lý thuyết sang trang bị kỹ năng nghiên cứu, tư duy phản biện, và khả năng thích ứng giải quyết vấn đề thực tế. Phát triển mô hình tiếng Anh cộng đồng tại các cơ sở giáo dục và địa phương, từng bước đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học.

Phát triển hệ sinh thái giáo dục số, học liệu số, thư viện số, hồ sơ học tập điện tử, nền tảng học tập trực tuyến, lớp học thông minh, hệ thống quản trị trường học số; tạo điều kiện để mọi người dân được học tập thường xuyên, học tập suốt đời, nâng cao kỹ năng nghề, kỹ năng số và khả năng thích ứng với yêu cầu mới. Phổ cập kỹ năng số cho người dân trong độ tuổi lao động; ưu tiên lao động nông thôn, lao động trong khu kinh tế, khu công nghiệp, hộ sản xuất kinh doanh, người dân vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Tăng cường năng lực nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo; phát triển hạ tầng số, triển khai các nền tảng số cho các cơ sở giáo dục đại học và cao đẳng đảm bảo an ninh, an toàn không gian số đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số quốc gia.

8. Huy động và đa dạng hóa nguồn lực

Đẩy mạnh xã hội hóa và đa dạng hóa nguồn lực đầu tư cho giáo dục, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực. Tạo điều kiện thuận lợi để huy động các nguồn lực hợp pháp từ cộng đồng, các quỹ khuyến học, khuyến tài, học bổng, tài trợ nhằm hỗ trợ người học, đặc biệt là học sinh, sinh viên vùng khó khăn, đồng bào dân tộc thiểu số. Khuyến khích phát triển các cơ sở giáo dục ngoài công lập chất lượng cao, trường học theo chuẩn quốc tế, góp phần đa dạng hóa loại hình đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh.

Tăng cường vận động, huy động các nguồn viện trợ, hỗ trợ kỹ thuật, học bổng, chương trình đào tạo, chuyển giao tri thức từ các tổ chức quốc tế, đối tác nước ngoài và cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài phục vụ phát triển nguồn nhân lực của tỉnh.

Công khai, minh bạch trong quản lý và sử dụng các nguồn lực; tạo niềm tin và động lực để các tổ chức, cá nhân yên tâm tham gia đầu tư, hỗ trợ phát triển giáo dục, đào tạo và nguồn nhân lực của tỉnh.

(Nhiệm vụ, chỉ tiêu thực hiện tại các Phụ lục kèm theo)

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch được bố trí từ ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao; huy động các nguồn xã hội hóa, viện trợ, tài trợ, hợp tác quốc tế và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nội vụ

Là cơ quan thường trực, chịu trách nhiệm chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này; đồng thời là đầu mối đơn đốc, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TU và Đề án số 15-ĐA/TU trên địa bàn tỉnh.

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân các xã, phường và xã, tham mưu hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển nguồn nhân lực; đề xuất lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch vào các chương trình phát triển kinh tế - xã hội và các chương trình, dự án có liên quan.

Thường xuyên tổ chức kiểm tra và đánh giá tình hình thực hiện; kịp thời phát hiện, tổng hợp các vướng mắc phát sinh để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tiễn.

Định kỳ tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện; tham mưu tổ chức sơ kết giữa kỳ và tổng kết giai đoạn theo quy định.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát số lượng, đánh giá chất lượng và dự báo nhu cầu đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên toàn ngành để xây dựng phương án sắp xếp, bố trí phù hợp; xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao. Chủ động phối hợp với các cơ quan, đơn vị trong việc sắp xếp các cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo đúng quy định.

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương đẩy mạnh công tác giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông; thúc đẩy liên thông giữa giáo dục nghề nghiệp với các bậc học khác trong hệ thống giáo dục quốc dân. Chỉ đạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp liên kết chặt chẽ với doanh nghiệp để nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghề cho người lao động, đáp ứng chính xác nhu cầu và số lượng của thị trường lao động.

3. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu triển khai toàn diện các nhiệm vụ về phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; tăng cường ứng dụng công nghệ số, xây dựng và phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển nguồn nhân lực. Thúc đẩy các hoạt động liên kết, phối hợp chặt chẽ giữa các tổ chức khoa học và công nghệ, Viện nghiên cứu, trường Đại học với các doanh nghiệp và nhà quản lý nhằm tiếp nhận, chuyển giao hiệu quả các tiến bộ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh.

4. Sở Tài chính

Căn cứ khả năng cân đối ngân sách, tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch thuộc trách nhiệm của ngân sách địa phương theo

phân cấp ngân sách hiện hành. Phối hợp với Ban quản lý Khu kinh tế Đông Nam cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin về các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh.

5. Sở Y tế

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát, đánh giá thực trạng và dự báo nhu cầu nguồn nhân lực ngành y tế; xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ thuật và y đức cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động toàn ngành, ưu tiên củng cố chất lượng nhân lực cho tuyến y tế cơ sở.

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng và triển khai hiệu quả các chính sách thu hút, đãi ngộ đối với nguồn nhân lực y tế chất lượng cao và các chuyên gia đầu ngành.

Chủ động phối hợp với các cơ sở đào tạo y - dược trong và ngoài tỉnh để liên kết đào tạo, phát triển nhân lực theo địa chỉ sử dụng. Đẩy mạnh việc tiếp nhận, chuyển giao các kỹ thuật y học tiên tiến từ tuyến trung ương; khuyến khích hoạt động nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ số và chuyển đổi số trong quản lý, khám bệnh, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe nhân dân.

6. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị rà soát, đánh giá thực trạng và xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ phát triển du lịch, dịch vụ, văn hóa, thể thao; chú trọng đào tạo kỹ năng nghề, ngoại ngữ, quy trình phục vụ chuẩn quốc tế và nâng cao nhận thức về du lịch cộng đồng cho người dân.

Phối hợp tham mưu cơ chế, chính sách thu hút, đãi ngộ và đào tạo đặc thù cho các tài năng văn hóa, nghệ thuật, huấn luyện viên, vận động viên thành tích cao. Lồng ghép phát triển văn hóa, thể thao quần chúng để góp phần nâng cao thể lực tầm vóc và giáo dục đạo đức, lối sống cho nguồn nhân lực địa phương

7. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương liên quan tham mưu xây dựng và tổ chức thực hiện các kế hoạch bồi dưỡng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực chuyên sâu trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, đất đai, tài nguyên và bảo vệ môi trường. Chủ trì phối hợp đẩy mạnh công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với nhu cầu của các doanh nghiệp, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; tổ chức các lớp tập huấn kỹ năng quản trị kinh tế cho các hợp tác xã, tổ hợp tác và chủ trang trại. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, bồi dưỡng kỹ năng số, xây dựng hoàn thiện cơ sở dữ liệu ngành đáp ứng yêu cầu chuyển đổi xanh, chuyển đổi số hiện nay.

8. Sở Tư pháp

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị tham mưu xây dựng hoặc lồng ghép vào các kế hoạch, tổ chức thực hiện đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp và kiến thức pháp luật chuyên sâu cho đội ngũ làm công tác tư

pháp: xây dựng và thi hành pháp luật, hộ tịch, hòa giải viên, hỗ trợ tư pháp, quản lý xử lý vi phạm hành chính.

Phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng chính sách đặc thù vượt trội để thu hút các chuyên gia, nhà khoa học pháp lý, luật gia, luật sư giỏi tham gia công tác xây dựng pháp luật, thi hành pháp luật vào chính sách thu hút nguồn nhân lực của tỉnh. Phối hợp rà soát, đánh giá, tham mưu xây dựng đội ngũ cán bộ công chức tư pháp nói chung, nhất là lĩnh vực tư pháp xã và nhân lực làm công tác xây dựng, thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh.

Đổi mới và đa dạng hóa các hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật liên quan đến các chủ trương, cơ chế, chính sách phát triển nguồn nhân lực nhằm tạo sự đồng thuận, thông suốt trong quá trình triển khai thực hiện.

9. Sở Dân tộc và Tôn giáo

Phối hợp với các cơ quan, địa phương liên quan rà soát, tham mưu chính sách đặc thù về đào tạo, bồi dưỡng, thu hút và sử dụng nguồn nhân lực chất lượng cao là người dân tộc thiểu số; phối hợp tổ chức các lớp bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kiến thức quản lý nhà nước cho đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác dân tộc, tôn giáo các cấp; chú trọng bồi dưỡng, nâng cao nhận thức về chính sách phát triển nguồn lực cho người có uy tín và chức sắc, chức việc, tín đồ các tôn giáo.

Lồng ghép các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi với giáo dục nghề nghiệp, giải quyết việc làm.

10. Sở Ngoại vụ

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thúc đẩy hợp tác quốc tế trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực; tham mưu mở rộng quan hệ hợp tác với các tổ chức quốc tế, cơ quan đại diện nước ngoài, các địa phương nước ngoài có quan hệ hợp tác với tỉnh nhằm tranh thủ các chương trình đào tạo, bồi dưỡng, học bổng, chuyển giao tri thức, khoa học và công nghệ phục vụ phát triển nguồn nhân lực của tỉnh.

Làm cầu nối thu hút, kết nối lực lượng trí thức kiều bào, các chuyên gia, nhà khoa học nước ngoài tham gia tư vấn, giảng dạy, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao của tỉnh.

Chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức các lớp bồi dưỡng kiến thức hội nhập quốc tế, nghiệp vụ đối ngoại, kỹ năng giao tiếp, làm việc trong môi trường quốc tế và đa văn hóa cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; hỗ trợ các cơ quan, đơn vị trong việc kết nối, triển khai các chương trình hợp tác quốc tế về phát triển nguồn nhân lực

11. Sở Xây dựng

Chủ trì rà soát, đánh giá thực trạng và dự báo nhu cầu để xây dựng kế hoạch phát triển nguồn nhân lực ngành xây dựng, giao thông, quy hoạch và quản

lý đô thị. Tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ và tinh thần trách nhiệm cho đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý quy hoạch, kiến trúc, kết cấu hạ tầng, thẩm định và quản lý trật tự xây dựng từ cấp tỉnh đến cấp xã.

Phối hợp với Sở Nội vụ, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đẩy mạnh công tác bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề, kiến thức về an toàn, vệ sinh lao động cho lực lượng công nhân kỹ thuật ngành xây dựng và giao thông. Thúc đẩy các chương trình tập huấn, chuyển giao công nghệ mới, ứng dụng chuyển đổi số và mô hình thông tin công trình (BIM) trong hoạt động xây dựng, quản lý vận tải, hạ tầng nhằm nâng cao chất lượng và năng suất lao động toàn ngành.

12. Ban Quản lý Khu kinh tế Đông Nam

Chủ trì, phối hợp tổng hợp toàn diện nhu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp đang sản xuất kinh doanh và các dự án đầu tư chuẩn bị triển khai trong Khu kinh tế Đông Nam và các khu công nghiệp Nghệ An. Tổ chức hiệu quả các hoạt động kết nối cung - cầu lao động giữa người lao động và doanh nghiệp. Đồng thời, chủ động làm cầu nối liên kết đào tạo nguồn nhân lực giữa các trường đại học, cao đẳng, cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong tỉnh và trên cả nước với các doanh nghiệp trong khu kinh tế, khu công nghiệp nhằm bảo đảm nguồn lao động chất lượng cho địa phương.

13. Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nội vụ xây dựng và triển khai kế hoạch đào tạo nghề, tư vấn, giới thiệu việc làm cho lực lượng chuẩn bị hoàn thành nghĩa vụ quân sự, công an xuất ngũ trở về địa phương. Đồng thời, chủ động phương án hỗ trợ hướng nghiệp, tạo việc làm cho người lao động đã chấp hành xong hình phạt tù, giúp các đối tượng sớm ổn định cuộc sống, tái hòa nhập cộng đồng và tích cực tham gia phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

14. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh

Tham gia phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan trong công tác tuyên truyền, vận động cán bộ, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân thực hiện nghiêm túc các nội dung của Kế hoạch, cũng như các quy định của pháp luật về phát triển nguồn nhân lực. Đồng thời, phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội trong suốt quá trình tổ chức triển khai thực hiện Đề án nhằm bảo đảm hiệu quả và đúng quy định.

15. Trường Chính trị tỉnh

Phối hợp với Sở Nội vụ, các sở, ban, ngành và địa phương rà soát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng; tham gia xây dựng chương trình và tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng cho cán bộ, công chức, viên chức theo chức năng, nhiệm vụ của Trường, đáp ứng yêu cầu vận hành chính quyền địa phương 02 cấp. Phối hợp nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn, tư vấn, phản biện và

cung cấp luận cứ phục vụ xây dựng, hoàn thiện chính sách phát triển nguồn nhân lực của tỉnh; đổi mới nội dung, phương pháp và tăng cường ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong đào tạo, bồi dưỡng.

16. Các trường Đại học, Cao đẳng, cơ sở giáo dục nghề nghiệp

Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp hiện đại hóa, nâng tầm giáo dục đại học, cao đẳng nghề và giáo dục nghề nghiệp; xây dựng lộ trình phát triển cụ thể hướng tới đạt chuẩn khu vực và quốc tế. Đào tạo, nghiên cứu khoa học gắn với khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo. Chủ động nắm bắt nhu cầu, xu thế sử dụng lao động của doanh nghiệp để xây dựng các chương trình liên kết, hợp tác đào tạo. Đẩy mạnh triển khai mô hình đào tạo kép (doanh nghiệp - nhà trường); đồng thời nhân rộng thí điểm chương trình đào tạo tích hợp văn hóa bậc trung cấp nhằm thực hiện có hiệu quả công tác phân luồng học sinh sau tốt nghiệp Trung học cơ sở.

17. Ủy ban nhân dân các xã, phường

Căn cứ Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh, chủ động xây dựng và triển khai kế hoạch thực hiện cụ thể trên địa bàn; tổ chức thực hiện đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ về phát triển nguồn nhân lực, bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Chủ động cân đối, bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách cấp xã; đồng thời phối hợp với các sở, ngành liên quan lồng ghép các nguồn kinh phí từ các Chương trình mục tiêu quốc gia được phân bổ trên địa bàn để thực hiện.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 29/6/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển nguồn nhân lực tỉnh Nghệ An giai đoạn 2026 - 2030 và định hướng đến năm 2045. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc hoặc cần sửa đổi, bổ sung nội dung Kế hoạch, các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động đề xuất, gửi Sở Nội vụ tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Các đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Trường Chính trị tỉnh;
- Các trường Đại học, Cao đẳng;
- Lưu: VT, TH (N).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Thái Văn Thành

PHỤ LỤC 01**Nhiệm vụ triển khai Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh**

(Kèm theo Kế hoạch số 818 /KH-UBND ngày 07 /9/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An)

TT	Nhiệm vụ trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời gian
1	Đề án phát triển đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục trên địa bàn tỉnh Nghệ An	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ngành liên quan	Đề án	Sau khi Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành đề án
2	Tham mưu chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng làm việc trong cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh Nghệ An	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành và UBND cấp xã	Nghị quyết của HĐND	Sau khi có quy định của Trung ương
3	Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức ở nước ngoài	Sở Nội vụ	Sở Ngoại vụ và các sở, ngành, đơn vị liên quan	Công văn/Quyết định	Hàng năm
4	Bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng quản trị hiện đại, năng lực chuyển đổi số cho cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ, công chức, viên chức	Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, đơn vị và UBND cấp xã	Kế hoạch/ Báo cáo	Hàng năm
5	Tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, ứng dụng Mô hình thông tin công trình (BIM), chuyển đổi số và quản lý đô thị thông minh cho cán bộ quản lý từ cấp tỉnh đến cấp xã	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành, đơn vị và UBND cấp xã	Kế hoạch/ Báo cáo	Hàng năm
6	- Triển khai thực hiện Quyết định số 700/QĐ-TTg, ngày 20/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức ở xã, phường, đặc khu đáp ứng yêu cầu vận hành chính quyền địa phương 2 cấp giai đoạn 2026 - 2031” trên địa bàn tỉnh Nghệ An; - Xây dựng Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã giai đoạn 2026 - 2031 và hàng năm.	Sở Nội vụ UBND các xã, phường	Các sở, ban, ngành và UBND cấp xã Sở, ban, ngành liên quan; Trường Chính trị tỉnh	Kế hoạch/ Báo cáo Kế hoạch/ Báo cáo	Năm 2026/ Hàng năm Năm 2026/ Hàng năm

7	Đề án Chuyển đổi số tỉnh Nghệ An đến năm 2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị liên quan, UBND cấp xã	Đề án	Năm 2026
8	Nguồn nhân lực nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo đạt 12 người trên một vạn dân	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành và UBND cấp xã	Văn bản/ báo cáo	Đến 2030
9	Đào tạo cấp bằng cử nhân thực hành về công nghệ thông tin (văn bằng 2) cho cán bộ, công chức, viên chức đang đảm nhiệm vị trí việc làm về khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại xã, phường, sở, ban, ngành nhưng chưa có bằng công nghệ thông tin hoặc chuyên ngành phù hợp.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nội vụ; Sở Giáo dục và Đào tạo; các trường đại học	Kế hoạch/ Báo cáo	Từ 2027, thực hiện theo lộ trình
10	Đặt hàng các trường đại học đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao về khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo nhu cầu dự báo của tỉnh; nghiên cứu đào tạo theo địa chỉ sử dụng và cơ chế cam kết tuyển dụng sau khi tốt nghiệp theo quy định.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nội vụ; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Tài chính; các trường đại học	Kế hoạch/ Báo cáo	2027 - 2030
11	Xây dựng cơ sở dữ liệu nguồn nhân lực khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; hằng năm đánh giá nhu cầu, năng lực và khoảng cách năng lực để điều chỉnh đào tạo, tuyển dụng, thu hút và sử dụng nhân lực.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nội vụ; các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường; các trường đại học	Cơ sở dữ liệu/ Báo cáo	2026 - 2030
12	70% số người dân trong độ tuổi lao động biết và có kỹ năng sử dụng các loại hình dịch vụ công trực tuyến và các dịch vụ số thiết yếu.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành và UBND cấp xã	Văn bản/ báo cáo	Đến 2030
13	- Đảm bảo đủ số lượng giáo viên ở các cấp học, có cơ cấu hợp lý; 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo, trong đó 90% giáo viên mầm non, 20% giáo viên tiểu học và 40% giáo viên trung học đạt trên chuẩn; 40% giáo viên ngoại	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Văn bản/ báo cáo	Đến 2030

	ngữ, tin học đạt chứng chỉ quốc tế theo yêu cầu của cấp học. - Xây dựng chương trình đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong một số cơ sở giáo dục.				
14	- Có 01-02 trường đại học đạt chuẩn chất lượng ASEAN về chất lượng đào tạo; - Xây dựng chương trình phát triển đội ngũ giảng viên có trình độ tiến sĩ đảm bảo tối thiểu 30% giảng viên các cơ sở giáo dục đại học đạt trình độ tiến sĩ; tỷ lệ nhà giáo có trình độ thạc sĩ trở lên đạt trên 50%; thu hút ít nhất 100 giảng viên, chuyên gia giỏi từ nước ngoài; phấn đấu đạt 260 sinh viên và 23 học viên sau đại học trên một vạn dân; tỉ lệ học đại học trên số người trong độ tuổi 18 - 22 đạt 33%; - Xây dựng lộ trình phát triển Trường Đại học Nghệ An và phối hợp xây dựng lộ trình phát triển Trường Đại học Vinh đạt chuẩn khu vực và quốc tế.	Sở Giáo dục và Đào tạo; các Trường Đại học	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Văn bản/ báo cáo/ Đề án	Đến 2027
15	Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 77%, trong đó có văn bằng, chứng chỉ đạt 37,8% vào cuối năm 2030 (riêng vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đạt 70%, trong đó có văn bằng, chứng chỉ đạt 31,5%). Bình quân mỗi năm tuyển sinh đạt từ 35.000 đến 38.000 lượt người.	Sở Giáo dục và Đào tạo;	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Văn bản/ báo cáo	Đến 2030
16	Đào tạo kỹ năng nghề dự kiến khoảng 329.700 lượt người, gồm các cấp trình độ: cao đẳng 31.950 người (tăng 21,48% so với giai đoạn 2021 - 2025); trung cấp 57.750 người (tăng 19,07%); sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng 240.000 người (giảm 5,73%). Trong đó: đào tạo tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh là 298.830 lượt người, gồm các cấp trình độ: Cao đẳng 28.700 người; trung cấp 53.130 người; sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng 217.000 người.	Sở Giáo dục và Đào tạo;	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Văn bản/ báo cáo	Đến 2030

17	Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp bình quân chung đạt 83,3%; trong đó: trình độ đại học không thấp hơn 70%; trình độ cao đẳng nghề 98,4%; trung cấp đạt 97,5%; sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng đạt 78,2%.	Sở Giáo dục và Đào tạo;	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Văn bản/ báo cáo	Đến 2030
18	01 - 02 trường đào tạo nghề chất lượng cao đạt chuẩn tương đương với chuẩn của các nước ASEAN-4.	Sở Giáo dục và Đào tạo; các trường Cao đẳng	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Đề án	Đến 2030
19	Tập trung đầu tư có trọng điểm cho 03 cơ sở giáo dục nghề nghiệp chủ lực	Sở Giáo dục và Đào tạo; trường Cao đẳng	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Đề án	Đến 2030
20	Tổ chức hội chợ việc làm, hội nghị, hội thảo, phiên giao dịch việc làm tại các địa phương, khu kinh tế, khu công nghiệp và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; Tổ chức vận hành Sàn giao dịch việc làm quốc gia tại Nghệ An.	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp	Hội chợ việc làm, hội thảo, phiên giao dịch việc làm	Thường xuyên và đột xuất theo nhu cầu tuyển dụng
21	Tổ chức thực hiện hiệu quả chính sách bảo hiểm thất nghiệp, hỗ trợ người lao động khi mất việc làm được hưởng trợ cấp thất nghiệp, được tư vấn nghề nghiệp, đào tạo nghề và kết nối việc làm nhằm giúp người lao động có cơ hội sớm quay trở lại thị trường lao động với kỹ năng phù hợp hơn.	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp	Người lao động được đào tạo; Chủ sử dụng lao động	Hàng năm Thường xuyên
22	Phân tích, đánh giá tình hình lao động, việc làm, nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp và dự báo thị trường lao động, phát hành Bản tin thị trường lao động	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp	Báo cáo, bản tin thị trường lao động	Hàng năm/ hàng quý
23	Triển khai có hiệu quả các chính sách giải quyết việc làm, thúc đẩy sản xuất kinh doanh, thu hút nhiều lao động, đặc biệt là lao động nông thôn và lao động là người dân tộc thiểu số có việc làm ổn định.	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp	Kế hoạch	Hàng năm

24	Xây dựng danh mục vị trí việc làm, bản mô tả công việc, khung năng lực và hệ thống tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Văn bản/ báo cáo	Năm 2026
25	Triển khai thực hiện hiệu quả Đề án sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực y tế theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp trên địa bàn tỉnh Nghệ An	Sở Y tế	Các sở, ban, ngành và UBND cấp xã	Hệ thống y tế được sắp xếp, tổ chức lại	Giai đoạn 2026 - 2030
26	Kế hoạch thực hiện Đề án phát triển nguồn nhân lực y tế cho trạm y tế cấp xã	Sở Y tế	Các sở, ban, ngành và UBND cấp xã	Kế hoạch	Thực hiện theo lộ trình của Bộ Y tế
27	Tham mưu Nghị quyết quy định chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực y tế công lập tỉnh Nghệ An.	Sở Y tế	Các sở, ban, ngành và UBND cấp xã	Nghị quyết của HĐND tỉnh	Quý IV/2026
28	Lĩnh vực y tế phấn đấu đạt 17 bác sĩ/10.000 dân; 04 dược sĩ đại học/10.000 dân; 25 điều dưỡng/10.000 dân, trung bình mỗi trạm y tế cấp xã có từ 4 - 5 bác sĩ làm việc.	Sở Y tế	Các cơ quan, đơn vị, UBND cấp xã	Văn bản/ báo cáo	Đến 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

PHỤ LỤC 02

Mục tiêu nhiệm vụ Kế hoạch thực hiện

(Kèm theo Kế hoạch số 828 /KH-UBND ngày 17/9/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An)

TT	Nội dung mục tiêu	ĐVT	Mục tiêu Nghị quyết	Kế hoạch thực hiện					Ghi chú
				Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	
I	NGUỒN NHÂN LỰC KHU VỰC CÔNG								
1	Cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, cán bộ công chức cấp tỉnh được bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng quản trị hiện đại, năng lực chuyển đổi số hàng năm	%	100	100	100	100	100	100	
2	Cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo ngắn hạn ở nước ngoài mỗi năm	Người	50 - 60	-	50 - 60	50 - 60	50 - 60	50 - 60	
3	Cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước, các kỹ năng bổ trợ và chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	%	100	100	100	100	100	100	
4	Nguồn nhân lực nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo đạt 12 người trên một vạn dân	Người	12	-	-	-	-	12	
5	Đảm bảo đủ số lượng giáo viên ở các cấp học, có cơ cấu hợp lý								
	- Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo	%	100	96	98	99	99,5	100	
	- Tỷ lệ giáo viên mầm non đạt trên chuẩn	%	90	83	85	87	89	90	
	- Tỷ lệ giáo viên tiểu học đạt trên chuẩn	%	20	8	12	15	18	20	
	- Tỷ lệ giáo viên trung học đạt trên chuẩn	%	40	18	25	30	35	40	
	- Tỷ lệ giáo viên ngoại ngữ, tin học đạt chứng chỉ quốc tế theo yêu cầu của cấp học	%	40	14	24	30	35	40	
6	Trường đại học đạt chuẩn chất lượng ASEAN về chất lượng đào tạo	Trường	01 - 02	-	-	01	02	01 - 02	
	+ Tối thiểu 30% giảng viên các cơ sở giáo dục đại học đạt trình độ tiến sĩ;	%	30	15-20	22-25	25-27	28-29	30	
	+ Tỷ lệ nhà giáo có trình độ thạc sĩ trở lên	%	50	37-40	42-45	45-47	48-49	50	

	+ Thu hút ít nhất 100 giảng viên, chuyên gia giỏi từ nước ngoài;	Người	100	-	-	-	-	100	
	+ Phần đầu đạt 260 sinh viên trên một vạn dân	Người	260	-	-	-	-	260	
	+ Phần đầu đạt 23 học viên sau đại học trên một vạn dân	Người	23	-	-	-	-	23	
	+ Tỷ lệ học đại học trên số người trong độ tuổi 18 - 22 đạt 33%	%	33	-	-	-	-	33	
7	Lĩnh vực y tế phần đầu đạt 17 bác sĩ/10.000 dân;	Người	17	13,8	14,6	15,4	16,2	17	
	- 04 được sĩ đại học/10.000 dân;	Người	4	3,4	3,6	3,7	3,8	4	
	- 25 điều dưỡng/10.000 dân	Người	25	19,7	21	22,5	24	25	
	- Trung bình mỗi trạm y tế cấp xã có từ 4 - 5 bác sĩ làm việc.	Người	4 - 5	2,8	3 - 4			4 - 5	
II	NGUỒN NHÂN LỰC NGOÀI KHU VỰC CÔNG								
8	- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt	%	77	72,6	73,7	74,8	75,9	77	
9	- Đào tạo kỹ năng nghề gồm các cấp trình độ:	Lượt người	329.700	65.850	65.850	65.940	66.030	66.030	
	+ Cao đẳng	Lượt người	31.950	6.300	6.300	6.390	6.480	6.480	
	+ Trung cấp	Lượt người	57.750	11.550	11.550	11.550	11.550	11.550	
	+ Sơ cấp, đào tạo dưới 03	Lượt người	240.000	48.000	48.000	48.000	48.000	48.000	
	- Đào tạo tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp	Lượt người	298.830	59.740	59.740	59.740	59.805	59.805	
10	Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp bình quân chung đạt 83,3%	%	83,3	-	-	-	-	83,3	
11	Phần đầu có 01 - 02 trường đào tạo nghề chất lượng cao đạt chuẩn tương đương với chuẩn của các nước ASEAN-4.	Trường	01 - 02	-	-	-	01	01 - 02	
12	Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động biết và có kỹ năng sử dụng các loại hình dịch vụ công trực tuyến và các dịch vụ số thiết yếu.	%	70	-	-	-	-	70	

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH



PHỤ LỤC 03

Dự kiến nguồn lực triển khai Kế hoạch

(Kèm theo Kế hoạch số 828 /KH-UBND ngày 07/79/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An)

DVT: Triệu đồng

TT	Nội dung nhiệm vụ	Dự kiến nguồn lực thực hiện (triệu đồng)					Tổng cộng	Ghi chú
		Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030		
1	- Cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, cán bộ công chức cấp tỉnh được bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng quản trị hiện đại, năng lực chuyển đổi số hằng năm - Cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước, các kỹ năng bổ trợ và chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	16.935	18.000	18.000	18.000	18.000	88.935	
2	Cử 50 - 60 cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo ngắn hạn ở nước ngoài mỗi năm	-	13.750	13.750	13.750	13.750	55.000	
3	Đào tạo kỹ năng nghề	95.000	96.000	97.000	97.500	98.000	453.500	
4	Đào tạo nâng cao trình độ giáo viên đạt chuẩn	-	7.000	8.000	8.000	8.000	31.000	
5	Bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên	48.623	55.000	55.000	60.000	70.000	288.623	
6	Ban hành chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng về tỉnh	-	15.880	15.880	15.880	15.880	63.520	
7	Kiểm tra, đánh giá, sơ kết, tổng kết	100	100	300	100	300	900	

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH